

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP/ Fund name: DCVFMVNMIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 17-06-2025
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock	1,200,745,000	98.90%
1	BMP	100	1.13%
2	BSI	100	0.34%
3	BWE	100	0.40%
4	CII	1,000	1.19%
5	CMG	200	0.61%
6	CTD	100	0.68%
7	CTR	100	0.83%
8	DBC	500	1.27%
9	DCM	300	0.87%
10	DGC	500	4.04%
11	DGW	300	1.00%
12	DIG	1,100	1.56%
13	DPM	400	1.20%
14	DSE	300	0.57%
15	DXG	1,900	2.50%
16	EIB	3,300	6.33%
17	EVF	1,600	1.36%
18	FRT	200	2.86%
19	FTS	400	1.20%
20	GEX	1,500	4.32%
21	GMD	800	3.73%
22	HAG	1,000	1.07%
23	HCM	800	1.69%
24	HDC	300	0.62%
25	HDG	400	0.81%
26	HHV	800	0.80%
27	HSG	1,100	1.51%
28	KBC	1,100	2.29%
29	KDC	300	1.29%
30	KDH	1,300	3.15%
31	MSB	4,900	4.92%
32	NAB	2,500	3.43%
33	NKG	800	0.87%
34	NLG	600	1.88%
35	NT2	200	0.30%
36	OCB	3,100	2.92%
37	PAN	300	0.67%
38	PC1	600	1.10%
39	PDR	900	1.28%
40	PHR	100	0.43%
41	PNJ	600	4.05%
42	POW	1,200	1.29%
43	PTB	100	0.43%
44	PVD	600	1.08%
45	PVT	400	0.82%
46	REE	300	1.71%
47	SBT	1,000	1.56%
48	SCS	100	0.53%
49	SIP	200	1.07%
50	SJS	200	1.51%
51	SZC	200	0.54%
52	TCH	800	1.28%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
53	VCG	800	1.33%
54	VCI	900	2.66%
55	VGC	100	0.36%
56	VHC	200	0.90%
57	VIX	2,900	3.18%
58	VND	2,400	3.32%
59	VPI	300	1.29%
60	VTP	100	1.00%
II.	Tiền/ Cash (VND)	13,359,232	1.10%
III.	Tổng / Total (=I+II)	1,214,104,232	100%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)	1,200,745,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)	1,214,104,232
+ Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)	13,359,232

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:	Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:	Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
HCM	28,270	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
PAN	29,755	SSI	Hạn chế giao dịch theo quy định điều 33 TT96/2020/TT-BTC/ Restriction of trading by Circular 196/2020/TT-BTC
VCI	39,490	VCSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
OCB	12,595	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	90,200	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	76,120	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 17-06-2025	Kỳ trước/Last period (**) 16-06-2025	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	1	-1
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	28,000,000	28,000,000	0
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	12,220	11,850	370
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	341,163,289,289	333,618,192,882	7,545,096,407
của một lô ETF/per Creation Unit	1,214,104,232	1,187,253,355	26,850,877
của một chứng chỉ quỹ/per Share	12,141.04	11,872.53	268.51
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,956.98	1,950.06	6.92

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 16/06/2025 /(*) The criteria #5 is represented by NAV as at 16/06/2025

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 15/06/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 15/06/2025

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐCVFM/Fund Management Company DCVFM



LÊ HOÀNG ANH

Quản lý Giám đốc Nghiệp vụ Hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 18/06/2025